CÔNG TY TNHH DV & TM VĂN NAM
Địa chỉ : Lô A7-11/1 (KDT Chí Linh), P.Nguyễn An Ninh, TP.Vũng Tàu
Tel : (84) 643.616.356 Fax : (84) 643.616.309
Facebook : www.facebook.com/vungtauworks.com.vn
Website : http://Vungtauworks.com.vn
Professional Contractor Supply Manpower

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CHẤM CÔNG NHÀ THẦU PHỤ THÁNG 09 - NĂM 2020

BỘ PHẬN SỬ DỤNG: XƯỞNG KẾT CẤU THÉP

Stt	Mã NV	Họ Và	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương									Số giờ làm thêm			THÁNG 09/2020																															
				Làm việc						Nghỉ						T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4
				CTY	GLF	LPC	LQJK	SVDN	Tổng số ngày LV	CV	K	KP	NT	NN	L	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Công Nhân Cắt hơi				**1.00**	**10.00**	**-**	**24.00**	**13.50**	**48.50**	**-**	**7.00**	**8.00**	**-**	**-**	**16.00**																														
1	VN002284	Trần Đức Mạnh	Công Nhân Cắt hơi	-	-	-	-	-	-	-	-	4.00				KP	L	KP	KP	KP																									
													-	-	-																													
2	VN002384	Trần Quốc Bảo	Công Nhân Cắt hơi	1.00	7.00	-	-	13.00	21.00	-	4.00	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF		SVDN	GLF	CTY	GLF	SVDN	GLF		SVDN	K	K	K	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	K	SVDN
													-	-	8.00		8SVDN																										
3	VN002385	Nguyễn Trúc Bình	Công Nhân Cắt hơi	-	-	-	-	-	-	-	-	4.00				KP	L	KP	KP	KP																									
													-	-	-																													
4	VN002364	Lê Bá Huân	Công Nhân Cắt hơi	-	3.00	-	-	0.50	3.50	-	2.00	-				GLF	L	GLF	GLF	K		4SVDN	K																						
													-	-	8.00		8SVDN																												
5	VN002365	Lê Văn Lực	Công Nhân Cắt hơi	-	-	-	24.00	-	24.00	-	1.00	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	K	LQJK
													-	-	-																													
Nhóm trưởng Lắp ráp				**12.00**	**52.00**	**-**	**123.00**	**-**	**187.00**	**-**	**3.00**	**1.00**	**6.00**	**-**	**79.00**																														
1	VN002373	Lê Đình Tân	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													6.00	-	14.00	6SVDN	14SVDN																												
2	VN002403	Phạm Thanh Tùng	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	-	-	25.00	-	25.00	-	-	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	-																													
3	VN002596	Nguyễn Tất Thuần	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	-	-	24.50	-	24.50	-	-	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	4LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	-																													
4	VN002404	Nguyễn Văn Bắc	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	-	-	24.50	-	24.50	-	-	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	4LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	-																													
5	VN002407	Hà Văn Vĩnh	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	3.50	-	-	-	3.50	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	4GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
6	VN002665	Lưu Văn Luận	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
7	VN002264	Lê Đức Hải	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	3.00	-	-	-	3.00	-	-	1.00				GLF	L	KP	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
8	VN002372	Trương Thành Tài	Nhóm trưởng Lắp ráp	12.00	12.00	-	-	-	24.00	-	1.00	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	K		CTY	CTY	CTY
													-	-	-																													
9	VN002391	Võ Hoàng Hà	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	-	-	24.00	-	24.00	-	1.00	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	K	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	-																													

Stt	Mã NV	Họ Và	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương									Số giờ làm thêm			THÁNG 09/2020																													
				Làm việc						Nghỉ			NT	NN	L	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4
				CTY	GLF	LPC	LQJK	SVDN	Tổng số ngày LV	CV	K	KP				01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
10	VN002548	Đinh Anh Văn	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	2.50	-	-	-	2.50	-	1.00	-				4GLF	L	GLF	GLF	K																									
													-	-	-																														
11	VN002864	Phạm Tiến Lực	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	3.50	-	-	-	3.50	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	4GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
12	VN002909	Hoàng Văn Tâm	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
13	VN002945	Lê Văn Dũng	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	-	-	25.00	-	25.00	-	-	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	-																														
14	VN003001	Lê Thanh Đoàn	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	-																														
15	VN002998	Nguyễn Công Diễn	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
16	VN002996	Đậu Văn Cường	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	3.50	-	-	-	3.50	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	4GLF																									
													-	-	9.00		9SVDN																												
17	VN003027	Bùi Công Độ	Nhóm trưởng Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
Công Nhân Lắp ráp				**60.00**	**71.75**	**-**	**22.75**	**-**	**154.50**	**-**	**21.00**	**9.00**	**8.00**	**-**	**123.00**																														
1	VN002266	Vũ Hồng Phong	Công Nhân Lắp ráp	9.00	-	-	-	-	9.00	-	1.00	-				CTY	L	CTY	CTY	CTY		K	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY																		
													-	-	-																														
2	VN002390	Ngô Văn Minh	Công Nhân Lắp ráp	-	-	-	-	-	-	-	2.00	2.00				KP	L	K	KP	K																									
													-	-	-																														
3	VN002406	Ngô Văn Thanh	Công nhân Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	11.00		11SVDN																												
4	VN002587	Dương Thế Bảo	Công nhân Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
5	VN002547	Nguyễn Kim Khánh	Công nhân Lắp ráp	-	1.00	-	-	-	1.00	-	1.00	2.00				K	L	GLF	KP	KP																									
													-	-	-																														
6	VN002409	Đỗ Văn Sơn	Công Nhân Lắp ráp	7.00	-	-	-	-	7.00	-	1.00	-				CTY	L	CTY	K	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY																				
													-	-	-																														
7	VN002551	Nguyễn Minh Hùng	Công Nhân Lắp ráp	-	3.00	-	-	-	3.00	-	1.00	-				GLF	L	GLF	GLF	K																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
8	VN002553	Nguyễn Thanh Tuấn	Công Nhân Lắp ráp	-	3.50	-	-	-	3.50	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	4GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												

Stt	Mã NV	Họ Và	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương									Số giờ làm thêm			THÁNG 09/2020																													
				Làm việc						Nghỉ			NT	NN	L	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4
				CTY	GLF	LPC	LQJK	SVDN	Tổng số ngày LV	CV	K	KP				01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
9	VN002594	Lê Thanh Quân	Công Nhân Lắp ráp	-	2.00	-	-	-	2.00	-	2.00	-				K	L	GLF	GLF	K																									
													-	-	-																														
10	VN002806	Phạm Quý Dương	Công Nhân Lắp ráp	-	-	-	-	-	-	-	-	4.00				KP	L	KP	KP	KP																									
													-	-	-																														
11	VN002807	Hồ Mạnh Toàn	Công Nhân Lắp ráp	-	2.00	-	-	-	2.00	-	1.00	1.00				GLF	L	GLF	K	KP																									
													2.00	-	8.00		8SVDN	2SVDN																											
12	VN002820	Hoàng Đức Huy	Công Nhân Lắp ráp	1.00	2.75	-	-	-	3.75	-	-	-				GLF	L	6GLF	GLF	CTY																									
													-	-	-																														
13	VN002852	Võ Văn Diên	Công Nhân Lắp ráp	2.50	19.00	-	-	-	21.50	-	2.00	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF		GLF	4GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	K		GLF	GLF	GLF	GLF	4GLF	K		CTY	4CTY	CTY
													2.00	-	8.00		8SVDN	2SVDN																											
14	VN002854	Nguyễn Văn Bình	Công Nhân Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	-																														
15	VN002855	Ngô Ngọc Cương	Công Nhân Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
16	VN002944	Trần Tiến Anh	Công nhân Lắp ráp	-	-	-	22.75	-	22.75	-	2.00	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	K		6LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	K		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	8.00		8SVDN																												
17	VN002931	Trần Đình Khôi	Công nhân Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
18	VN002824	Nguyễn Hoàng Phong	Công nhân Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
19	VN002825	Nguyễn Thanh Sang	Công nhân Lắp ráp	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
20	VN002858	Lê Văn Hùng	Công nhân Lắp ráp	-	3.50	-	-	-	3.50	-	-	-				GLF	L	GLF	4GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
21	VN002886	Hồ Minh Thắng	Công nhân Lắp ráp	9.00	-	-	-	-	9.00	-	1.00	-				CTY	L	K	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY																		
													-	-	-																														
22	VN002887	Lương Ngọc Trang	Công nhân Lắp ráp	8.00	-	-	-	-	8.00	-	2.00	-				K	L	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	K																		
													4.00	-	-			4SVDN																											
23	VN002902	Phạm Hoàng Nhân	Công nhân Lắp ráp	23.50	-	-	-	-	23.50	-	1.00	-				4CTY	L	K	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY
													-	-	-																														
24	VN002993	Nguyễn Quang Anh	Công nhân Lắp ráp	-	3.00	-	-	-	3.00	-	1.00	-				GLF	L	GLF	GLF	K																									
													-	-	8.00		8SVDN																												

Stt	Mã NV	Họ Và	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương									Số giờ làm thêm			THÁNG 09/2020																													
				Làm việc						Nghỉ			NT	NN	L	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4
				CTY	GLF	LPC	LQJK	SVDN	Tổng số ngày LV	CV	K	KP				01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
25	VN002994	Vũ Văn Chí	Công nhân Lắp ráp	-	1.50	-	-	-	1.50	-	2.00	-				K	L	GLF	4GLF	K																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
26	VN002995	Nguyễn Quốc Cường	Công nhân Lắp ráp	-	2.50	-	-	-	2.50	-	1.00	-				GLF	L	GLF	4GLF	K																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
Công Nhân Phụ Lắp ráp				**2.50**	**8.00**	**-**	**-**	**-**	**10.50**	**-**	**8.00**	**-**	**3.00**	**-**	**8.00**																														
1	VN002888	Trà Anh Vũ	Công Nhân Phụ Lắp ráp	-	-	-	-	-	-	-	8.00	-				K	L	K	K	K		K	K	K	K																				
													-	-	-																														
2	VN002905	Trần Mạnh Toàn	Công Nhân Phụ Lắp ráp	2.50	8.00	-	-	-	10.50	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	CTY		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	CTY		4CTY																
													3.00	-	8.00	1.5SVDN	8SVDN	1.5SVDN																											
Công nhân Hàn 6G FCAW				**7.00**	**39.50**	**-**	**8.50**	**25.00**	**80.00**	**16.00**	**13.00**	**1.00**	**4.50**	**-**	**88.00**																														
1	VN002349	Nguyễn Văn Hưng	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	-	-	-	-	-	-	4.00	-				K	L	K	K	K																									
													-	-	-																														
2	VN002350	Đỗ Xuân Mãi	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
3	VN002317	Đậu Xuân Cương	Công nhân Hàn 6G FCAW	3.00	2.00	-	-	-	5.00	-	-	-				GLF	L	GLF	CTY	CTY		CTY																							
													-	-	8.00		8SVDN																												
4	VN002318	Phan Xuân Cường	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	3.00	-	-	-	3.00	-	1.00	-				GLF	L	K	GLF	GLF																									
													-	-	-																														
5	VN002346	Nguyễn Hữu Đức	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
6	VN002348	Đặng Việt Hùng	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	4.00	-	-	12.00	16.00	8.00	1.00	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF		CV	CV	CV	CV	CV	CV		CV	CV	SVDN	SVDN	K	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN
													2.00	-	8.00		8SVDN	2SVDN																											
7	VN002351	Nguyễn Quang Rạng	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	-	-	4.50	-	4.50	-	-	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		4LQJK																							
													-	-	-																														
8	VN002367	Nguyễn Chí Biên	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	-	-	-	-	-	-	4.00	-				K	L	K	K	K																									
													-	-	-																														
9	VN002429	Nguyễn Văn Luận	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
10	VN002439	Nguyễn Quang Khảng	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	4.00	-	-	13.00	17.00	8.00	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF		CV	CV	CV	CV	CV	CV		CV	CV	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN
													2.50	-	8.00		8SVDN	2.5SVDN																											
11	VN002546	Nguyễn Trọng Linh	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												

Stt	Mã NV	Họ Và	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương									Số giờ làm thêm			THÁNG 09/2020																													
				Làm việc						Nghỉ			NT	NN	L	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4
				CTY	GLF	LPC	LQJK	SVDN	Tổng số ngày LV	CV	K	KP				01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
12	VN002771	Nguyễn Văn Lâm	Công nhân Hàn 6G FCAW	4.00	-	-	-	-	4.00	-	-	-				CTY	L	CTY	CTY	CTY																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
13	VN002773	Lê Ngọc Xăm	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	2.50	-	-	-	2.50	-	1.00	-				GLF	L	K	GLF	4GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
14	VN002891	Đinh Hoàng Nam	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	1.00	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF		K																							
													-	-	8.00		8SVDN																												
15	VN002244	Đồng Khắc Dương	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	-	-	4.00	-	4.00	-	-	1.00				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		KP																							
													-	-	-																														
16	VN002445	Bùi Văn Tiến	Công nhân Hàn 6G FCAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	1.00	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF		K																							
													-	-	8.00		8SVDN																												
Công nhân Hàn 6GR FCAW				**-**	**-**	**-**	**75.00**	**-**	**75.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**																														
1	VN002368	Phan Văn Hiếu	Công nhân Hàn 6GR FCAW	-	-	-	25.00	-	25.00	-	-	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	-																														
2	VN002369	Lê Văn Minh	Công nhân Hàn 6GR FCAW	-	-	-	25.00	-	25.00	-	-	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	-																														
3	VN002260	Nguyễn Hoàng Xuyên	Công nhân Hàn 6GR FCAW	-	-	-	25.00	-	25.00	-	-	-				LQJK	L	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK
													-	-	-																														
Công nhân Hàn 6G SMAW				**-**	**4.00**	**-**	**-**	**-**	**4.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**8.00**																														
1	VN002293	Đoàn Thanh Phương	Công nhân Hàn 6G SMAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
Công nhân Hàn 6G GTAW				**-**	**8.00**	**-**	**-**	**-**	**8.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**16.00**																														
1	VN002779	Huỳnh Tấn Đạt	Công nhân Hàn 6G GTAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
2	VN002782	Huỳnh Trọng Thuân	Công nhân Hàn 6G GTAW	-	4.00	-	-	-	4.00	-	-	-				GLF	L	GLF	GLF	GLF																									
													-	-	8.00		8SVDN																												
	Tổng công			**82.50**	**193.25**	**-**	**253.25**	**38.50**	**567.50**	**16.00**	**52.00**	**19.00**	**21.50**	**-**	**338.00**																														
Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ trước 17h ngày 10/09/2				**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**	**#REF!**																														